KB Securities VIETNAM

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK Việt Nam tăng điểm trong hầu hết phiên giao dịch với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]
Các HĐTL tăng điểm, diễn biến cùng chiều với thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]
HPG, TCB

[Cập nhật công ty]
ACB

[Quan điểm đầu tư]
NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập trong các nhận định trước.

8/8/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,256.75	+0.32
VN30	1,276.70	+0.36
HĐTL VN30F1M	1,266.00	+0.12
HNXIndex	301.33	+0.48
HNX30	554.24	+0.38
UPCoM	92.32	+1.10
USD/VND	23,390	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.58	-1
Lãi suất qua đêm (%)	4.11	+11
Dầu (WTI, $)	88.61	-0.45
Vàng (LME, $)	1,773.64	-0.10

Điểm nhấn thị trường

VNIndex	**1,256.75 (+0.32%)**
KLGD (triệu CP)	**699.3 (+22.3%)**
GTGD (triệu U$)	**675.5 (+1.5%)**
HNXIndex	**301.33 (+0.48%)**
KLGD (triệu CP)	**96.1 (+1.7%)**
GTGD (triệu U$)	**79.6 (+11.6%)**
UPCoM	**92.32 (+1.10%)**
KLGD (triệu CP)	**48.3 (-38.6%)**
GTGD (triệu U$)	**33.6 (-9.6%)**
NĐTNN mua ròng (triệu U$)	**-3.8**

TTCK Việt Nam tăng điểm trong hầu hết phiên giao dịch với thanh khoản tăng với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu dầu khí, thủy sản và vật liệu xây dựng. Khối ngoại bán ròng ở HPG (-1.3%), VNM (-0.6%), FUEVFVND (+1%).

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dự báo xuất khẩu của ngành gỗ trong nửa cuối năm vẫn còn gặp nhiều thách thức và khó hoàn thành mục tiêu xuất khẩu 16.5 tỷ USD trong năm 2022, cổ phiếu ngành gỗ giảm ở PTB (-1.1%), GDT (-1.9%).

VASEP cho biết Trung Quốc bắt đầu có động thái nới lỏng dần chính sách Zero COVID, trong đó, xóa bỏ chính sách đình chỉ nhập khẩu thực phẩm đông lạnh có nhiễm virus Sars-COV-2 sau gần 2 năm thực thi sẽ giúp cho hoạt động xuất khẩu cá tra đông lạnh của Việt Nam sang thị trường này tăng trưởng hơn nữa trong những quý cuối năm, cổ phiếu ngành cá tra tăng ở ANV (+7%), VHC (+5.1%)

VNIndex & HNXIndex

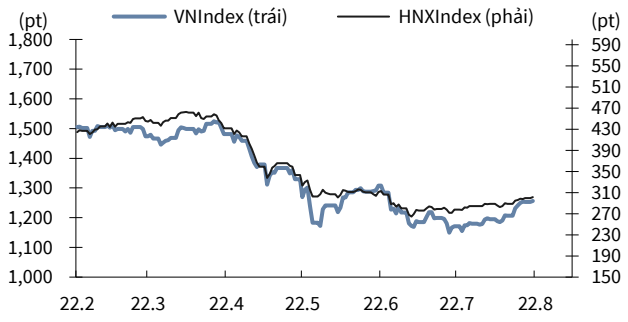

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành

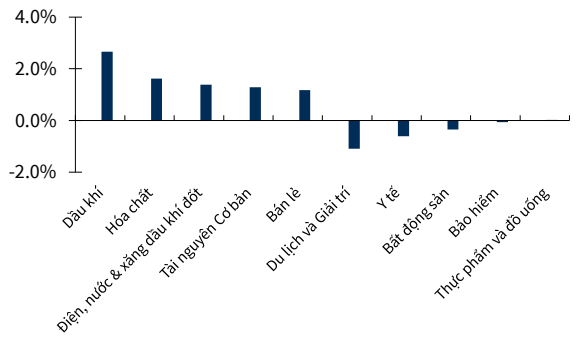

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm

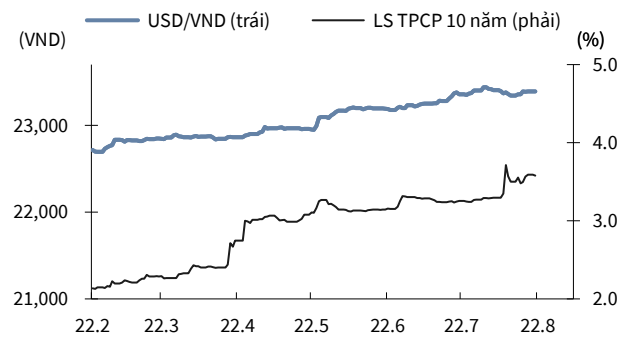

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	**1,276.70 (+0.36%)**
VN30F1M	**1,266.0 (+0.12%)**
Mở cửa	**1,263.5**
Cao nhất	**1,267.8**
Thấp nhất	**1,261.3**
KLGD (HĐ)	**137,100 (-22.9%)**

Các HĐTL tăng điểm, diễn biến cùng chiều với thị trường cơ sở. Chênh lệch F2208 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức cao nhất ngày ở mức -8.66 điểm, sau đó biến động mở rộng ra và duy trì ở mức âm quanh -14.8 điểm suốt phiên và đóng cửa ở mức -10.7 điểm. Thanh khoản thị trường giảm mạnh.

HĐTL VN30F1M & VN30

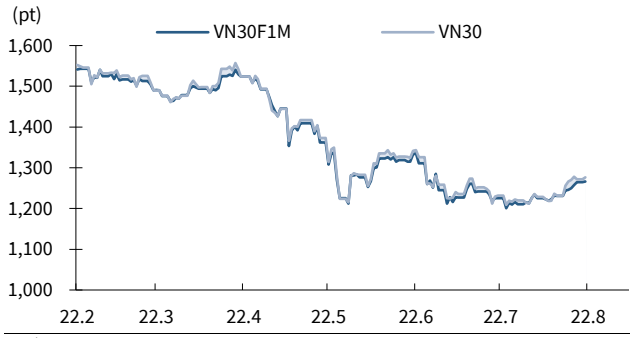

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30

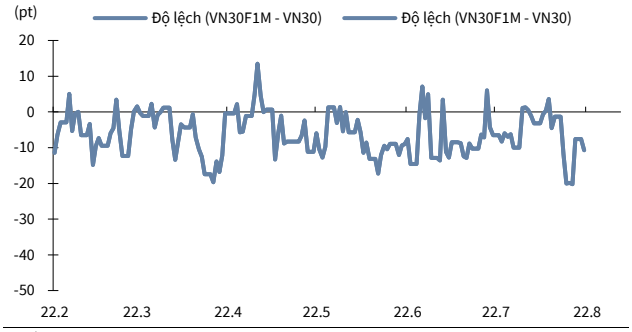

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

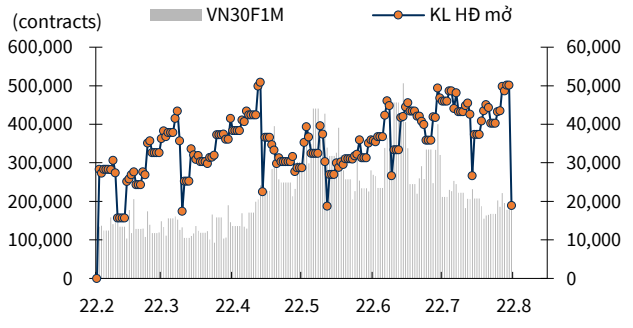

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn

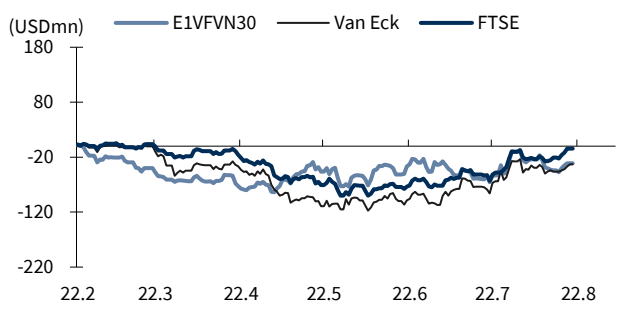

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (mã)

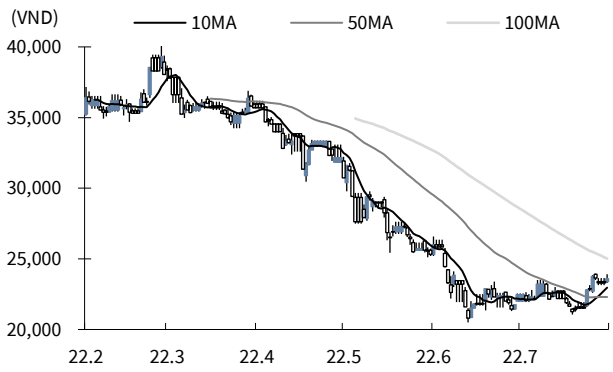

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 1.29% lên 23,600 VND/cp

- Tập đoàn Hòa Phát công bố sản lượng bán hàng các sản phẩm phôi thép, thép xây dựng, thép cuộn cán nóng đạt 526,000 tấn, giảm 12.3% so với cùng kỳ năm trước và giảm 6% so với tháng trước.

- Hòa Phát cho biết trong tháng tháng 7, thị trường thép trong nước tiếp tục gặp khó khăn do nhu cầu yếu, thời tiết bắt đầu bước vào mùa mưa.

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)

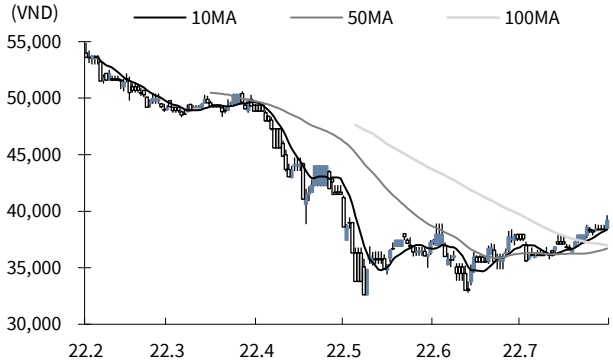

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCB tăng 2.08% lên 39,200 VND/cp

- Techcombank thông báo phát hành hơn 6.3 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP), tương đương 0.18% lượng cổ phiếu lưu hành. Cổ phiếu ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một năm. Giá phát hành 10,000 đồng/cp, thời gian phát hành dự kiến trong tháng 8.

COMPANY REPORT

KB Securities VIETNAM

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

Lợi nhuận tăng mạnh nhờ hoàn nhập

Chuyên viên Phân tích Tài chính
Nguyễn Đức Huy
huynd1@kbsec.com.vn

08/08/2022

2Q2022, LNTT tăng 51.3%YoY, đạt 4,914 tỷ VND.

ACB ghi nhận thu nhập lãi thuần quý 2 đạt 5,606 tỷ VND (+3.0%QoQ và +12.3%YoY), thu nhập ngoài lãi đạt 1,317 tỷ VND (-6.5%QoQ và +6.5%YoY). Ngân hàng tiếp tục ghi nhận hoàn nhập hoàn nhập dự phòng lên tới 267 tỷ VND trong khi cùng kỳ ngân hàng trích lập 1,386 tỷ chi phí dự phòng. Nhờ đó, LNTT 2Q2022 tăng mạnh 51.3%YoY, đạt 4,914 tỷ VND.

NIM 2Q2022 đạt 4.22%, tăng 32bps QoQ và giảm nhẹ 8bps YoY.

Lợi suất đầu ra bình quân 2Q2022 tăng nhẹ 18bps QoQ, đạt 7.20%. Lãi suất bình quân đầu vào tăng khoảng 14bps QoQ một phần nhờ tỷ lệ CASA cao giúp giảm tác động của tăng lãi suất. Biên lãi thuần (NIM) tăng nhẹ 7bps QoQ, đạt 4.29%.

Tăng trưởng tín dụng và huy động lần lượt ở mức 9.3% và 1.9%YTD.

Hoạt động cho vay của ngân hàng vẫn duy trì được sự khả quan trong quý 2 với tín dụng tăng 9.3% so với đầu năm. Dư nợ cho vay cá nhân và doanh nghiệp ước tính lần lượt tăng 10.7% và 7.5% so với đầu năm. Huy động vốn tăng trưởng chậm hơn khi chỉ ghi nhận tăng 1.9%YTD với động lực chính từ phát hành giấy tờ có giá. Tỷ lệ LDR tăng lên mức 83.5% sát với trần quy định 85%.

Chất lượng tài sản 2Q2022 duy trì sự khả quan.

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2022 giảm nhẹ 6bps so với quý trước và tương đương cuối năm 2021, đạt khoảng 0.76% Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm nhẹ 2 điểm % còn 185.1% - vẫn ở mức cao so với ngành.

Đáp ứng đầy đủ điều kiện để có room tín dụng tốt hơn.

Chúng tôi đánh giá ACB là một trong những ứng cử viên sáng giá được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) xem xét nâng room tín dụng nhờ (1) tỷ lệ an toàn vốn (CAR) duy trì mức cao trong những năm gần đây như cuối 2021 là 11.23% - cao hơn nhiều so với mức quy định 9% của NHNN; (2) ACB theo đuổi chiến lược cho vay thận trọng với tỷ lệ nợ xấu (NPL) luôn duy trì dưới 1% và dự phòng bao nợ xấu (LLCR) luôn cao hơn trung bình ngành; (3) ACB không đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 32,000 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho năm 2022 của cổ phiếu ACB là 32,000 VND/cp, cao hơn 28.9% so với giá tại ngày 05/08/2022. Khuyến nghị MUA.

MUA

Giá mục tiêu	VND 32,000
Tăng/giảm	28.9%
Giá hiện tại (04/08/2022)	24,850
Giá mục tiêu thị trường	34,200
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	77,276

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	84.54%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	71.20
Sở hữu nước ngoài (%)	23.2%
Cơ cấu cổ đông	
Dragon Financial Holding	6.92%

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2.3	-6.0	-11.0	-13.4
Tương đối	1.5	5.6	9.6	-7.4

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	14,582	18,945	23,105	27,086
LN trước CF DPRRTD (tỷ VNĐ)	10,537	15,334	18,423	21,974
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VNĐ)	7,683	9,603	14,016	16,733
EPS	3,511	3,498	4,150	3,963
Tăng trưởng EPS (%)	-3.3%	-0.4%	18.6%	-4.5%
PER (x)	8.95	9.71	8.44	8.84
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	15,906	16,219	19,253	21,225
PBR (x)	1.98	2.09	1.82	1.65
ROE (%)	24.3%	23.9%	25.2%	21.3%
Tỷ lệ cổ tức (%)	30%	25%	25%	25%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

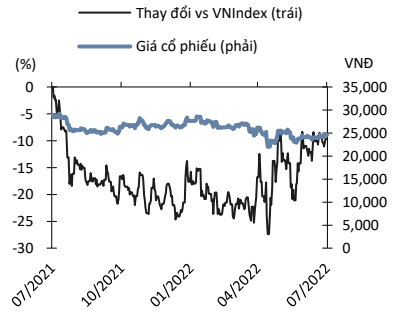

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chuyên viên chiến lược đầu tư
Thái Hữu Công
congth@kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

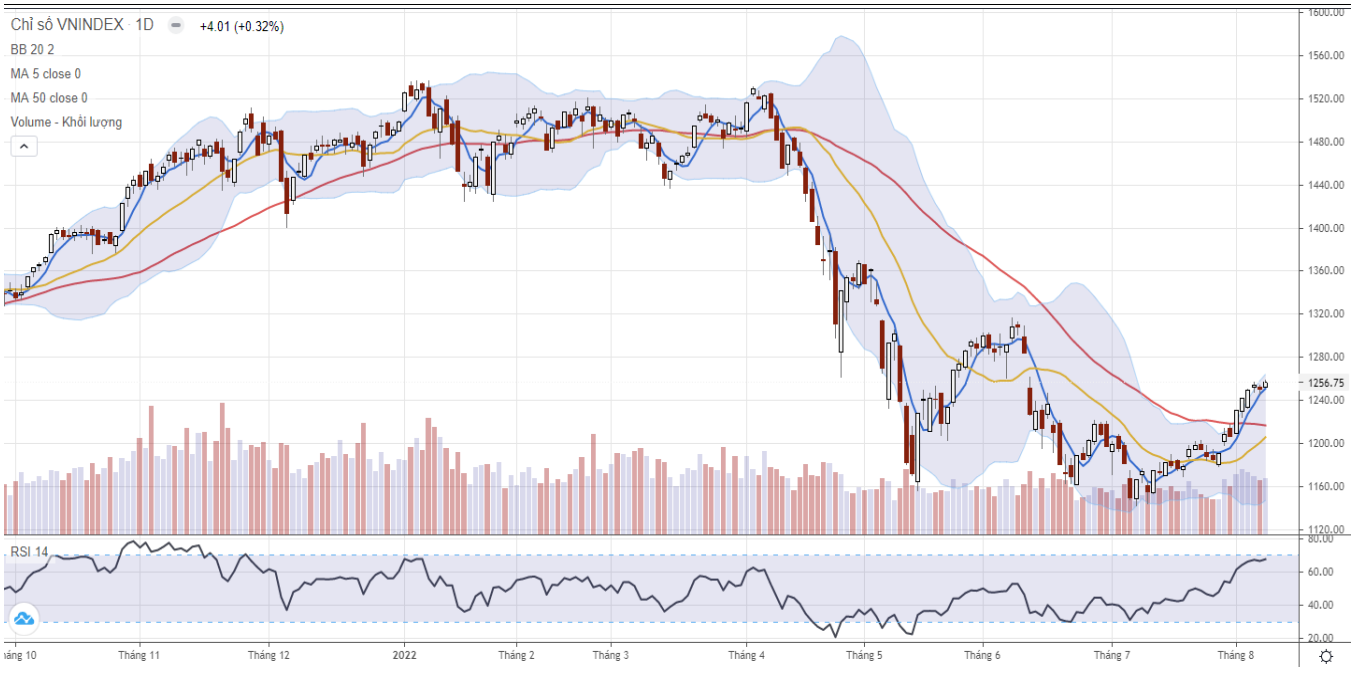

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— VNIndex diễn biến giằng co trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen về cuối phiên.

— Vùng kháng cự gần quanh 1260 tiếp tục cho phản ứng khiến cho rủi ro hình thành mẫu hình 2 đỉnh nhỏ của chỉ số đang có phần gia tăng. Mặc dù cơ hội mở rộng đà tăng điểm trong ngắn hạn vẫn được đánh giá cao, VNIndex nhiều khả năng sẽ quay xuống kiểm định ngưỡng hỗ trợ gần quanh 124x nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy trước khi hồi phục trở lại.

— NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập trong các nhận định trước.

Chỉ số VN30

Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên	
Kháng cự xa:	1276 - 1279
Kháng cự gần:	1270 – 1274
Hỗ trợ gần:	1253 – 1255
Hỗ trợ xa:	1240 – 1244

— F1 diễn biến giằng co trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen về cuối phiên.

— Vùng kháng cự gần quanh 126x tiếp tục cho phản ứng khiến cho rủi ro hình thành mẫu hình 2 đỉnh nhỏ của chỉ số đang có phần gia tăng. Mặc dù cơ hội mở rộng đà tăng điểm trong ngắn hạn vẫn được đánh giá cao, F1 nhiều khả năng sẽ quay xuống kiểm định ngưỡng hỗ trợ gần quanh 124x nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy trước khi hồi phục trở lại.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT tại các ngưỡng kháng cự và mở LONG tại các vùng hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế Long đã mở và chỉ chốt lời từng phần tại các vùng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.36%	0.57%
Tăng lũy kế (YTD)	-16.87%	-2.50%

So sánh hiệu suất với VN30 Index

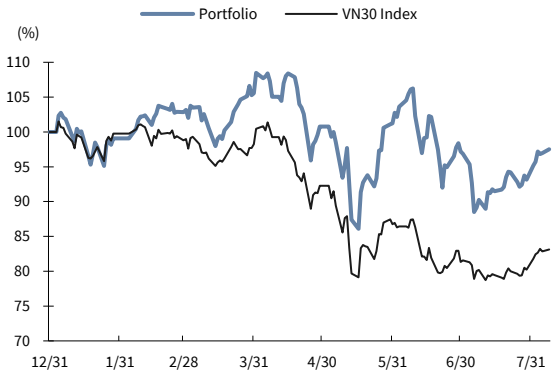

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	62,900	0.3%	62.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	25,000	2.0%	-12.3%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	116,700	1.6%	52.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	185,500	-0.8%	-3.4%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	82,000	1.2%	177.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,000	0.2%	254.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,000	0.0%	53.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	111,000	1.4%	51.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,600	1.3%	111.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	37,900	-1.6%	268.9%	- Giá bán khu độ thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
E1VFVN30	0.3%	91.1%	95.1
PVD	6.8%	4.2%	31.6
NVL	1.1%	5.7%	28.4
NLG	0.8%	40.1%	26.2
HDB	1.2%	17.1%	24.2
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
HPG	1.3%	20.5%	-80.3
VNM	-0.6%	54.7%	-100.4
FUEVFVND	0.9%	95.5%	-26.7
GMD	0.2%	46.4%	-42.4
PHR	0.4%	14.1%	-25.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	1.4%	6.8%	35.7
IDC	-3.6%	2.1%	1.2
TA9	3.1%	15.2%	0.3
CDN	0.4%	20.5%	0.2
HUT	3.0%	1.0%	0.2
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
DP3	0.3%	0.9%	-0.4
PVS	3.3%	8.7%	-0.3
IDJ	-1.3%	0.7%	-0.3
TNG	4.0%	4.6%	-0.1
MST	9.3%	0.1%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	5.4%	SSI, VND
Tài nguyên Cơ bản	4.4%	HPG, HSG
Bán lẻ	3.5%	MWG, FRT
Dầu khí	3.2%	PVD, PLX
Hóa chất	3.0%	DCM, GVR
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Y tế	-1.7%	IMP, TRA
Thực phẩm và đồ uống	-1.1%	MSN, VNM
Bảo hiểm	-0.1%	BVH, BIC
Du lịch và Giải trí	0.4%	VJC, SCS
Ô tô và phụ tùng	1.0%	SVC, CSM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	18.0%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	15.2%	VGC, VCG
Hóa chất	13.4%	GVR, DCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.2%	GAS, POW
Ngân hàng	10.9%	VCB, BID
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Bán lẻ	1.3%	MWG, COM
Y tế	2.5%	TRA, DBD
Du lịch và Giải trí	2.8%	VJC, HOT
Công nghệ thông tin	5.3%	ICT, ITD
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.3%	PNJ, GDT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	79,238 (3.4)	22.5	269.2	104.4	14.7	8.4	2.3	2.4	2.3	-1.2	-0.2	-7.7	-32.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	142,925 (6.1)	26.6	8.6	7.2	35.9	21.6	21.6	1.8	1.5	-0.5	2.5	0.8	-25.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	41,904 (1.8)	17.8	29.0	18.9	-7.6	8.1	10.3	2.0	1.9	-0.9	-1.0	6.3	-4.7
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	148,072 (6.3)	31.3	29.2	23.1	6.7	15.1	16.4	4.0	3.5	1.1	9.5	10.8	-10.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	30,901 (1.3)	11.6	20.5	16.7	13.7	12.9	17.2	2.4	2.1	-0.3	0.3	7.1	-16.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	225,247 (9.6)	13.9	14.3	14.1	-	13.5	11.6	1.6	1.6	-2.0	1.9	26.1	-23.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	80,395 (3.4)	6.3	14.4	12.1	11.7	21.3	21.8	2.8	2.4	0.0	6.5	10.8	4.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	65,528 (2.8)	12.7	14.7	11.8	-5.3	15.5	17.2	2.0	1.7	-0.5	-0.5	10.9	4.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	166,550 (7.1)	0.0	6.4	5.4	14.3	20.8	19.8	1.2	1.0	2.1	1.6	4.4	-21.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	120,880 (5.2)	1.4	7.6	6.3	50.3	18.1	20.5	1.2	1.1	0.0	1.0	12.0	-14.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	305,318 (13.1)	0.0	7.3	6.9	18.8	20.3	17.0	1.3	1.1	2.2	3.1	4.9	-16.2
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	198,015 (8.5)	0.0	6.6	5.4	14.6	23.7	22.7	1.4	1.1	0.6	2.3	8.2	-6.2
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	37,662 (1.6)	4.2	7.0	5.7	23.3	22.9	22.3	1.4	1.1	1.2	1.2	5.5	-19.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	354,765 (15.2)	14.0	12.7	11.5	26.5	11.3	14.9	1.3	1.1	0.2	0.4	12.4	-19.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	55,251 (2.4)	0.0	12.4	6.9	37.4	22.3	21.0	1.4	1.2	-0.9	4.8	5.4	-30.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,361 (0.3)	0.2	-	-	27.3	10.8	11.9	-	-	-0.7	0.2	-3.0	-10.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	70,261 (3.0)	21.0	18.3	15.1	15.8	9.0	11.9	1.9	1.7	-0.2	-0.8	7.5	4.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,003 (0.3)	14.2	14.3	11.6	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	0.3	3.9	5.6	-32.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	458,045 (19.6)	55.4	9.0	8.3	-3.2	19.3	16.4	1.4	1.2	-0.6	8.1	20.8	-49.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	198,452 (8.5)	71.9	10.0	9.6	-4.0	24.7	20.6	2.1	1.9	1.2	7.0	24.0	-36.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	201,902 (8.6)	52.4	9.7	9.4	-19.0	18.2	15.9	1.5	1.4	-1.4	0.9	12.3	-40.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	454,929 (19.5)	27.2	9.5	8.1	36.3	25.7	24.3	2.2	1.8	0.7	8.6	20.7	-33.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	123,196 (5.3)	42.1	16.7	15.4	4.0	28.3	29.3	4.4	4.2	-0.6	-1.8	-1.1	-16.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	25,048 (1.1)	36.9	27.1	22.7	7.3	20.0	21.3	4.9	4.4	-0.9	-1.1	16.7	19.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	82,845 (3.5)	16.5	24.4	19.5	-51.9	17.4	19.2	3.8	3.3	0.3	-4.2	-0.1	-26.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	100,227 (4.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.3	10.0	28.7	-45.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	62,142 (2.7)	11.0	52.2	18.4	-88.5	8.9	21.6	-	-	-1.0	-1.5	-2.0	-2.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	57,091 (2.4)	10.8	19.0	15.4	-57.0	12.1	13.5	2.2	2.0	0.2	-1.0	9.0	9.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	105,706 (4.5)	38.4	7.4	36.2	65.7	14.1	2.6	1.0	1.0	-0.2	2.2	17.4	-54.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	15,013 (0.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.8	-12.1	-17.4	-80.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	213,481 (9.1)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	4.0	2.9	24.4	-39.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	50,990 (2.2)	3.6	62.2	16.8	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.6	-0.3	1.6	3.8	-42.5
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	79,541 (3.4)	0.0	12.4	11.2	-4.5	16.0	14.2	1.8	1.8	1.2	7.9	6.6	36.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	66,429 (2.8)	46.1	15.4	15.6	-17.5	24.2	22.0	3.6	3.3	1.4	2.9	16.1	15.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	33,507 (1.4)	31.4	12.6	11.5	-10.5	15.5	15.4	1.8	1.7	2.5	2.9	16.4	2.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	980 (0.0)	34.1	21.5	9.6	-5.1	5.9	12.5	-	-	0.3	0.9	2.3	-26.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	584,913 (25.0)	18.0	5.2	5.2	21.9	27.7	21.9	1.2	1.0	1.3	3.5	5.1	-33.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	136,016 (5.8)	36.5	4.8	7.6	-0.5	32.3	19.2	1.4	1.3	2.3	6.9	4.7	-2.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	115,687 (4.9)	46.5	6.4	9.1	-4.5	35.7	20.6	1.9	1.7	3.5	11.6	17.1	-8.6
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	148,204 (6.3)	38.9	4.3	5.0	67.9	23.1	15.8	0.8	0.7	1.2	14.6	14.0	-44.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	63,339 (2.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	2.0	2.8	13.3	-36.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	30,630 (1.3)	4.6	19.8	16.2	-51.0	11.0	12.4	2.1	1.9	1.9	1.6	7.9	-21.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	94,799 (4.1)	39.9	48.1	16.9	-11.9	1.5	4.4	0.7	0.7	6.8	13.1	27.7	-19.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	37,750 (1.6)	35.9	8.3	7.5	2.2	14.4	15.2	1.2	1.1	0.2	7.4	10.5	-12.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	191,431 (8.2)	0.0	15.2	12.8	14.4	25.7	25.8	3.1	2.5	0.3	2.6	-3.2	-7.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	63,884 (2.7)	0.0	17.4	14.1	2.4	23.7	23.2	3.2	2.7	1.6	-0.3	0.6	21.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,615 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.2	0.4	3.8	-3.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	111,207 (4.8)	30.3	17.2	14.9	-75.2	30.0	27.0	4.6	3.6	6.9	8.4	1.4	20.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	39,522 (1.7)	34.6	9.6	12.3	41.2	32.6	22.8	2.8	2.5	0.4	2.9	9.9	-1.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	843 (0.0)	45.4	14.3	13.2	10.7	21.6	21.0	2.8	2.5	-0.1	-0.7	3.9	-19.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	135,254 (5.8)	0.0	18.0	14.8	15.5	26.8	28.3	4.5	3.9	0.2	2.4	2.9	11.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.